

TRẦN NHÂN TÔNG DƯỚI GÓC NHÌN VĂN HÓA

NGHIÊM THỊ THU NGA

Tóm tắt

Bàn về văn hóa Việt Nam thời trung đại và văn hóa thời đại Lý - Trần, không thể không nhắc đến Trần Nhân Tông. Ông đã có những đóng góp to lớn về nhiều lĩnh vực văn hóa như: văn hóa chính trị, văn hóa ngoại giao, văn hóa quân sự, văn hóa nghệ thuật, văn hóa tôn giáo. Dấu ấn Trần Nhân Tông đã làm thay đổi diện mạo văn hóa Lý - Trần và đã đánh những mốc son trong lịch sử văn hóa dân tộc. Với những đóng góp đặc biệt đó, Trần Nhân Tông đã trở thành một bậc minh quân với trí tuệ vượt trội và nhân cách sáng chói, có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống tinh thần dân tộc cũng như với nhân loại tiến bộ.

Từ khóa: Trần Nhân Tông, danh nhân văn hóa, văn hóa Việt Nam

Abstract

Talking about Vietnamese culture in the medieval times and the culture of Ly - Tran era, Tran Nhan Tong must be mentioned. He has made great contributions to many fields of culture such as political culture, diplomatic culture, military culture, art culture, religious culture. The impression of Tran Nhan Tong has made changes to the face of Ly - Tran culture and marked the milestone in the history of national culture. With those special contributions, Tran Nhan Tong became a king with outstanding intelligence and brilliant personalit who had influence on the national spiritual life as well as progressive humanity.

Keywords: Tran Nhan Tong, cultural celebrity, Vietnamese culture

Trần Nhân Tông (1258 - 1308) là một trong những vị hoàng đế đặc biệt nhất trong lịch sử các triều đại quân chủ Việt Nam. Cuộc đời, hành trạng, sự nghiệp của Trần Nhân Tông đã trở thành đề tài hấp dẫn thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học dưới các góc tiếp cận khác nhau: chính trị, quân sự, triết học, sử học, văn học, tôn giáo học,... Là một vị vua anh minh, tài trí, đức độ, ông đã có những đóng góp to lớn cho nền võ công, văn trị của nước nhà. Bài viết góp một góc nhìn về Trần Nhân Tông từ phương diện văn hóa, tức bàn về những đóng góp của ông với văn hóa Việt Nam. Bởi lẽ những đóng góp về văn hóa của ông đã góp phần làm thay đổi diện mạo văn hóa thời đại Lý - Trần và đánh những mốc son trong lịch sử văn hóa dân tộc. Đây cũng là một con đường để chúng ta tìm về và hiểu rõ hơn giá trị văn hóa của thời trung đại trong dòng chảy văn hóa Việt Nam.

1. Về văn hóa chính trị

Trong lịch sử các triều đại quân chủ Việt Nam, Trần Nhân Tông là một nhà chính trị kiệt xuất, có đường lối chính trị thân dân và khoan dung, khai phóng.

Thứ nhất, đường lối chính trị thân dân. Đó là tinh thần gần dân, thương dân, trọng dân và vì dân trong đường lối chính trị.

Trần Nhân Tông luôn có lối sống chan hòa, gần gũi và thương dân. Khi chiến tranh khốc liệt, vua và dân chúng đã sát cánh kề vai, đã cùng chia sẻ "bát cơm gạo xấu" (3, tr.54), đã từng ban đêm cấp tốc vi hành khi hay tin ngoài thành có hỏa hoạn. Lúc thái bình, ngài vẫn đến hành cung Tức Mặc, thiết yến và ban lụa cho bô lão trong hương, lại rong ruổi khắp dân gian để giảng giải đạo Phật cho dân, giúp dân trừ bỏ dâm từ, thực hành Thập thiện. Đặc biệt đáng nói hơn, tình cảm yêu thương của

bậc thiên tử với trăm họ rộng lớn và phủ khắp, kể cả hạng nô tỳ, gia nô - tầng lớp dưới đáy của xã hội. *Đại Việt sử ký toàn thư* (ĐVSKTT) đã chép rằng những lúc vua ngự chơi bên ngoài “hễ gặp gia đồng của vương hầu thì tất gọi tên chúng mà hỏi: “Chủ mày ở đâu?”, rồi răn các thị vệ không được thét đuổi” (3, tr.72). Chỉ đến đời vua Trần Nhân Tông, lần đầu tiên, các chiếu chỉ của triều đình không những đọc bằng tiếng Hán, mà còn phải đọc bằng tiếng Nôm để mọi tầng lớp nhân dân đều hiểu.

Dưới triều Trần Nhân Tông, đã diễn ra hội nghị Diên Hồng (tháng 12 năm 1284) họp toàn thể bô lão trong nước hỏi kế sách đánh giặc. Đây được đánh giá là cuộc hội nghị lớn đầu tiên có sự tham gia của đông đảo người dân trong cả nước để “trung cầu dân ý”, trao cho dân quyền quyết định vận mệnh của dân tộc. Thực ra, thời điểm đó, chưa hẳn nhà vua cần đến một kế sách của dân, bởi lẽ tình thế đất nước lúc đó đã vô cùng cấp bách. Nhà Nguyên sau thất bại lần thứ nhất, vẫn nuôi mộng thôn tính Đại Việt, và với nhiều lần phủ dụ, dọa dẫm, khoa trương thanh thế để uy hiếp không thành, đã có động thái quyết liệt hơn để thực hiện dã tâm xâm lược: sai thái tử Thoát Hoan đem quân lấy cớ mượn đường đi đánh Chiêm Thành, chia đường vào cướp nước ta. Đây là âm mưu tạo thế trận bất ngờ và tạo nên thế gọng kìm nguy hiểm từ hai phía Bắc Nam, nếu không có sự tinh táo và kế sách kịp thời sẽ khiến cho triều đình lúng túng, dân chúng hoang mang. Quá trình chuẩn bị lực lượng đã được ta thực hiện thường xuyên, kể cả việc họp ba quân ở bến Bình Than (1282) để “bàn kế sách công thủ và chia nhau đóng ở những nơi hiểm yếu” giúp phòng bị chu đáo. Mưu lược của vua Nhân Tông, thượng hoàng Thánh Tông cùng trí tuệ tổng hợp của ba quân cùng triều thần có lẽ đã cho ra những kế sách có thể đối phó được. Vậy, cái cần nhất bây giờ không phải là “kế đánh giặc” của bô lão, mà là lòng dân. Và điều đó đã hoàn toàn đạt được, bởi trong hội nghị hệ trọng đó, theo như ĐVSKTT ghi lại thì: “Các phụ lão đều nói “đánh”, muôn người cùng hô một tiếng, như bật ra từ một cửa miệng” (3, tr.53).

Cũng chính nhà vua là người đã phát hiện và nhận thức sâu sắc vai trò của dân, đặc biệt vai trò của tầng lớp gia nô, đối với an nguy của thiên tử và với sự tồn vong của vương triều, xã

tắc. Ông từng bảo với tả hữu: “Ngày thường thì có thị vệ tả hữu, khi quốc gia lâm hoạn nạn thì chỉ có bọn chúng có mặt” (3, tr.72). “Bọn chúng” đây là gia đồng của vương hầu, đã từng đi theo bảo vệ nhà vua khi chiến tranh nguy cấp phải chạy khỏi kinh thành. Có thể nói đó là một nhận thức hiếm có trong thời đại quân chủ.

Gần dân, hiểu dân, thương dân, nên ông đã biết cách chăm lo đời sống cho dân, cả vật chất lẫn tinh thần. Nghề nông gắn liền với đời sống nông dân, nên nhà vua hết sức chăm lo. Gặp năm đói kém, thiên tai mất mùa (1290), vua xuống chiếu phát thóc công, chẩn cấp cho dân nghèo, miễn thuế nhân đinh. Những biện pháp kịp thời và thiết thực đó đã đưa lại hiệu quả không nhỏ, nền nông nghiệp đã nhanh chóng được phục hồi và phát triển. Phó sứ nhà Nguyên là Trần Phu, năm Quý Tỵ (1293), tức 4 năm sau chiến tranh, khi sang nước ta đã không khỏi ngỡ ngàng: “Lúa mỗi năm chín bốn lần, tuy vào giữa mùa đông mà mạ vẫn xanh mơn mớn” (2, tr.32). Kéo theo nông nghiệp, các ngành nghề khác như thủ công nghiệp và thương nghiệp cũng phát triển. Với những nỗ lực tối đa thời hậu chiến, vua và triều đình đã vực dậy nền kinh tế bị thiên tai và địch họa tàn phá, làm cho đất nước có một diện mạo tươi đẹp. Sau khi đã nhường ngôi, ông vẫn luôn quan tâm, lo lắng đến đời sống thường ngày của người dân; thường xuyên thị sát, đốc thúc các hoạt động để phát triển kinh tế, xã hội.

Vấn đề xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh cho người dân cũng được vua Trần Nhân Tông quan tâm một cách sâu sắc. Điển hình là việc phong thần cho 27 anh hùng liệt nữ và những thần núi, thần sông, thần đất. Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, một “thần điện” đã được hình thành để tưởng nhớ những con người đã từng sống bằng xương bằng thịt trong quá khứ, có sự tích, có hành trạng, chứ không chỉ gồm những vị thần, vị thánh trong tưởng tượng dân gian hay du nhập từ bên ngoài. Việc làm này đã tái hiện quá khứ anh hùng và bất tử của dân tộc trong lòng hậu thế. Đồng thời, nó có ý nghĩa tinh thần lớn lao, vừa thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng, tâm linh của trăm họ, vừa để giáo dục cho họ sống xứng đáng với tổ tiên, với quá khứ oai hùng của dân tộc; thể hiện tầm nhìn xa rộng, tầm tư tưởng vượt thời gian của vị hoàng đế anh minh.

Yêu nước, thương dân, Trần Nhân Tông luôn ý thức được việc sử dụng quyền lực một cách hiệu quả và nhận thức rõ hậu quả tai hại của việc tham nhũng, lạm quyền gây ra đau khổ, bất công cho dân. Khi đã trở thành Thái thượng hoàng, ông vẫn luôn tìm cách để hạn chế, kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng. Trần Nhân Tông rất quan tâm đến hình án xử oan sai, để tâm đến thân phận của người dân bình thường và dành cho họ sự bình đẳng trước pháp luật. Sử sách còn ghi rõ sự kiện năm 1280, khi Đỗ Thiên Thư (em đại thần Đỗ Khắc Chung) “kiện nhau với người, tình lý đều trái, người kia đón xa giá kêu bày”, vua hỏi rõ sự tình, lập tức yêu cầu kiểm pháp quan chuẩn định (3, tr.48). Từ cái nhìn Nho gia, Ngô Sĩ Liên đã xét “ba lằm lỗi kèm theo” của Trần Nhân Tông trong sự kiện này, nhưng cũng phải thừa nhận là nhờ hành động đó của vua mà “dân tình được thấu lên trên”, thể hiện “lòng trung hậu” của bậc thiên tử.

Nhìn thấy quyền sở hữu phong tước cho quá nhiều người của vua Anh Tông, ông không đồng tình: “Sao lại có một nước bé như bàn tay, mà phong quan tước nhiều đến thế” (3, tr.111). Một lần, khi người kế vị ấy lỡ rượu chè bỏ bê triều chính, ông đã trách phạt và dọa phế truất vương vị: “Trẫm còn có con khác, cũng có thể nối ngôi được. Trẫm đang còn sống mà người còn thế này, huống chi sau này” (3, tr.81). Lúc sinh thời, Trần Nhân Tông cũng đã đi khắp nơi trong nước để dẹp bỏ quan dân, quan tham khiến dân lầm than cực khổ, xã hội nhờ đó được thái bình.

Trần Nhân Tông đã rất nỗ lực để đem lại cho dân những gì tốt đẹp nhất. Suốt cả cuộc đời, cho dù lúc làm vua hay lúc làm thái thượng hoàng, lúc ở đỉnh cao quyền thế hay lúc làm nhà tu hành khổ hạnh, Trần Nhân Tông luôn đau đáu một lòng yêu nước, thương dân và đã chăm lo cho dân cho nước tới giờ phút cuối cùng.

Thứ hai, đường lối chính trị khoan dung, khai phóng. Đường lối chính trị khoan dung của Trần Nhân Tông thể hiện rõ ở chủ trương hòa giải mâu thuẫn, thái độ tôn trọng, khai phóng với hiền tài, bao dung với lỗi lầm và chính sách thời hậu chiến. Không phải ngẫu nhiên mà Trần Nhân Tông đã được tôn là “Thiên tử của hòa giải”.

Trần Nhân Tông luôn lấy lòng bao dung, độ lượng để hóa giải những mâu thuẫn, lỗi lầm của con người. Đối với nội bộ triều đình và thần dân, Trần Nhân Tông cũng luôn cố gắng giữ hòa khí. Điển hình nhất là câu chuyện vua đã cho đốt hết thư biểu hàng Nguyên của một số tướng lĩnh. Hành động đó đã làm yên lòng kẻ phản trắc, cảm hóa và động viên họ lập công chuộc tội.

Trong quá trình tại vị, ông luôn chăm lo giáo dục các quan, tạo hòa khí cho triều đình và đất nước. Sử sách ghi lại nhiều câu chuyện, trong đó nổi bật nhất là chuyện hòa giải mâu thuẫn giữa hai đại thần: Khi Lê Tông Giáo (Hành khiển ty) bị Đinh Cung Viên (Hàn lâm viện) “chơi khăm”, nhà vua đã gọi Tông Giáo đến và đưa ra lời khuyên rất thú vị: “Cung Viên là sĩ nhân, người là trung quan sao lại bắt hòa đến thế? Người là lưu thủ Thiên Trường, dùng con rươi quả quýt đi lại đưa tặng lẫn nhau thì có việc gì?” (3, tr.60). Lời khuyên cho cách hành xử rất đời thường nhưng lại thể hiện tầm vóc của một bậc minh quân, bởi mục đích và hiệu quả của nó lại liên quan đến đại sự quốc gia: sự hóa giải mâu thuẫn trong nội bộ triều đình - một cơ sở quan trọng tạo nên nền chính trị ổn định.

Trần Nhân Tông rất tôn trọng người tài, tạo cho họ mọi cơ hội để đóng góp tài năng với đất nước. Điển hình nhất là trường hợp Trần Khánh Dư. Lần thứ nhất, vì mắc tội thông dâm với công chúa Thiên Thụy, bị giáng làm thứ dân, phải làm nghề bán than. Nhưng khi diễn ra hội nghị Bình Than, vua lại tỏ lòng thương cảm, xuống chiếu tha tội, còn ban cho áo ngự, cho ngồi hàng dưới các vương, trên các công hầu, cùng bàn việc nước, sau còn thăng lên đến Phó đô tướng quân. Lần thứ hai, Khánh Dư đánh giặc thua trận, bị bắt giải về kinh, vua lại cho lập công chuộc tội. Lần thứ ba, dù Khánh Dư tính tình tham lam thô bỉ, những nơi ông ta trấn nhậm, mọi người đều rất ghét, nhưng “Nhân Tông chỉ tiếc ông có tài làm tướng nên không nỡ bỏ” (3, tr.65).

Đặc biệt, lòng khoan dung của Trần Nhân Tông còn thể hiện ở hành động nhân nghĩa với kẻ thù. Chỉ hơn nửa năm sau khi kết thúc chiến tranh, gần một vạn tù binh đã không những không bị ta giết hại mà còn được cấp chiến thuyền, lương thảo để về nước an toàn.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc ta, một số lượng lớn quân thù có nợ máu với dân tộc, đã được phóng thích. Với tướng giặc bại trận, Trần Nhân Tông cũng tỏ thái độ cao thượng. Năm 1285, sau khi đại bại, Toa Đô bị chém đầu ở trận Tây Kết. Vua trông thấy thủ cấp của tướng giặc, đã cởi áo ngự, sai quân đem liệm chôn (3, tr.60). Điều đáng nói là hành động thể hiện nhân nghĩa sáng ngời của nhà chính trị đó đã nói lên tiếng nói của quyền được sống và quyền con người của tất cả nhân loại.

2. Về văn hóa quân sự

Sau thất bại lần thứ nhất (năm 1258), đế quốc Mông - Nguyên vẫn ôm dã tâm thôn tính Đại Việt. Diệt xong nước Tống, nhà Nguyên lại tiếp tục dòm ngó nước ta, thường xuyên gây áp lực và cuối cùng là tiến hành liên tiếp hai cuộc xâm lăng (1285 và 1288). Chưa đầy 5 năm, chúng ta phải đương đầu với hai trận tấn công ồ ạt của lực lượng ngoại bang hùng mạnh và hiếu chiến đã chinh phục phần lớn thế giới từ Âu sang Á. Nhiều nền văn minh đã lần lượt sụp đổ dưới vó ngựa của đội quân này: “Nghệ thuật, những thư viện phong phú, nền công nghiệp ưu việt, cung điện và giáo đường - tất cả sạch không” (4, tr. 172). Khi bắt đầu cuộc chiến với Đại Việt, đội quân này đã có sự chuẩn bị lâu dài, có tiềm lực kinh tế và quân sự rất hùng hậu. Tính sơ bộ, mỗi lần tấn công Đại Việt, lực lượng của nhà Nguyên đều không dưới 50 vạn với đủ quân thủy binh, bộ binh và kỵ binh. Trong ba lần chống quân Mông - Nguyên, thì vị vua trẻ Nhân Tông (chưa đầy 30 tuổi) đã hai lần tự mình làm Tổng tư lệnh tối cao chỉ huy toàn quân, toàn dân đánh giặc. Đặt trong bối cảnh đó mới thấy được sự nỗ lực, tài năng, bản lĩnh của các vua, quan, tướng sĩ mà đặc biệt là của Trần Nhân Tông - bậc minh quân, người lãnh đạo tối cao, vị thống soái của cuộc kháng chiến.

Vai trò thống soái của Trần Nhân Tông trước hết thể hiện ở tầm nhìn chiến lược. Là người đứng đầu triều đình, Trần Nhân Tông đã nhìn thấy được và huy động được sức mạnh của mọi lực lượng dưới ngọn cờ quyết chiến chính nghĩa. Với lòng khoan dung và trí tuệ minh triết, ông đã khéo léo thắt chặt mối quan hệ gắn bó từ nội bộ triều đình đến toàn thể quân dân cả nước. Đặc biệt, để huy động toàn bộ trí tuệ tập thể cũng như sự đồng thuận xã hội, ông

cũng đã tổ chức các cuộc hội nghị toàn quân và đại diện toàn dân trước khi ra những quyết sách quan trọng. Hội nghị quân sự ở Bình Than (1282) và hội nghị bô lão ở Diên Hồng (1284), có thể coi là những hội nghị quan trọng, có vai trò như sợi dây kết nối, thống nhất từ vua quan đến tướng lĩnh, từ quý tộc đến thứ dân.

Bản lĩnh Trần Nhân Tông đã được thử thách trong hoàn cảnh cam go nhất. Tháng chạp năm Giáp Thân (1284), trước thế trận bất lợi, quân ta thua liên tiếp ở nhiều nơi (ải Vĩnh Châu, Nội Bàng, Thiết Lược, Chi Lăng), nhà vua đã đích thân ra Hải Đông để thị sát tình hình và động viên tướng sĩ. Sau khi đã nghị bàn với Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Vương và đi đến thống nhất phương án tác chiến, vua đã đề lên đầu thuyền hai câu thơ: *Cối Kê cự sự quân tu ký/Hoan Diễn do tôn thập vạn binh* (Cối Kê việc cũ người nên nhớ/Hoan Diễn còn kia chục vạn quân) (3, tr.54). Hai câu thơ ngắn, nhưng tỏ rõ sự quán thông thời thế, một bản lĩnh vững vàng, ung dung của người lãnh đạo tối cao. Nhà vua liên hệ Cối Kê (thời Xuân Thu Chiến Quốc - nơi Việt Vương Câu Tiễn dưỡng quân đợi thời) với châu Hoan, châu Ái của nước Đại Việt lúc bấy giờ, nơi vẫn còn ém giữ được 10 vạn quân, sẵn sàng chờ lệnh. Câu thơ nhắc đến “thập vạn binh” không chỉ là cách để động viên Trần Quốc Tuấn mà còn hé lộ tia sáng lạc quan cho hàng vạn tướng sĩ trong trận quyết tử với quân thù. Hay năm 1285, khi nguyên soái Toa Đô đem lực lượng hùng hậu với dã tâm “hẹn trong 3 năm san phẳng nước ta”, nhà vua cũng đã bình tĩnh bàn với bầy tôi rằng: “Bọn giặc nhiều năm phải đi xa, lương thảo chuyên chở hàng vạn dặm, thể tất mỗi mệt. Lấy nhân chống mệt, trước hãy làm chúng nhụt chí, thì ắt là đánh bại được chúng” (3, tr.58). Bằng phong thái ung dung tự tại, với bản lĩnh của tầm nhìn quán thông thời thế, với kinh nghiệm dày dặn trong chỉ đạo chiến lược, ông đã đem lại cho quân dân nhà Trần niềm tin sắt đá vào thắng lợi cuối cùng.

Không chỉ vai trò chỉ đạo chiến lược, Trần Nhân Tông còn là người cầm quân dũng cảm. Chỉ trong một số trang sử ít ỏi của ĐVSKTT, ta cũng thấy nhà vua đã rất nhiều lần ngự giá thân chinh. Chẳng hạn: “Mùa đông, tháng 10 (năm 1283), vua thân hành dẫn các vương hầu điều quân thủy bộ tập trận” (3, tr.52); Ngày 26 tháng 12 năm 1284, trong trận chiến ở Vạn Kiếp, vua

“ngự thuyền nhẹ ra Hải Đông, chiều rồi vẫn chưa ăn cơm sáng” (3, tr.54); năm 1285, “thế giặc bức bách, hai vua (thượng hoàng Thánh Tông và vua Nhân Tông) ngầm đi chiếc thuyền nhỏ đến Tam Trí Nguyên, sai người đưa thuyền ngự ra Ngọc Sơn để đánh lừa giặc” (3, tr.57); “tháng 5 ngày mồng 3, hai vua đánh bại giặc ở phủ Trường Yên, chém đầu cắt tai giặc nhiều không kể xiết” (3, tr.59); “ngày 20, hai vua tiến đóng ở Đại Mang Bộ. Tổng quản giặc Nguyên là Trương Hiến đầu hàng. Hôm đó, ta đánh bại giặc ở Tây Kết, giết và làm bị thương rất nhiều, chém đầu nguyên soái Toa Đô. Nửa đêm, Ô Mã Nhi trốn qua cửa sông Thanh Hóa, hai vua đuổi theo nhưng không kịp, bắt được hơn 5 dư đảng giặc đem về, Ô Mã Nhi chỉ còn một chiếc thuyền vượt biển trốn thoát” (3, tr.60). Ngay cả khi đã là thượng hoàng, Trần Nhân Tông vẫn đích thân đi đánh Ai Lao. Phẩm chất dẫn thân đầy trách nhiệm và quả cảm của nhà cầm quyền thời Trần đã được biểu hiện sinh động ở Nhân Tông. Tinh thần ấy đã thổi bùng ngọn lửa hào khí thời đại, tiếp thêm sức mạnh và ý chí quyết chiến cho ba quân tướng sĩ.

Như vậy, với tầm nhìn chiến lược xa rộng, với những chính sách sáng suốt, ở vị trí lãnh đạo tối cao, Trần Nhân Tông đã thành linh hồn của hai cuộc chiến tranh chống Mông - Nguyên (lần thứ hai và thứ ba), bên cạnh vai trò cố vấn dày dạn kinh nghiệm của thượng hoàng Trần Thái Tông và tướng lĩnh thống lĩnh toàn quân kiệt xuất Trần Quốc Tuấn.

3. Về văn hóa ngoại giao

Có thể nói, đến Trần Nhân Tông, hoạt động ngoại giao của Đại Việt mới được nâng lên tầm cao văn hóa. Điều đó thể hiện ở đường lối ngoại giao hướng tới hòa bình, đối thoại mang tầm nhân loại.

Cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên toàn thắng, nhưng vua Trần Nhân Tông cùng với triều đình đã không ngu quên trên chiến thắng, trái lại đốc rút chuẩn bị mặt trận ngoại giao để đối phó với ý đồ phục hận của địch. Bản lĩnh, tài năng của vua bộc lộ rõ qua những đối sách ngoại giao mềm dẻo nhưng kiên quyết.

Trước hết, trong quan hệ với nhà Nguyên.

Nhằm mục tiêu duy trì hòa bình, Trần Nhân Tông chủ trương đường lối ngoại giao mềm

dẻo. Tháng 10 năm 1288, tức nửa năm sau khi đại thắng, vua đã gửi phái bộ Đỗ Thiên Hư đi sứ sang Nguyên để tái thiết quan hệ hòa bình. Phải nói đây là động thái ngoại giao khá kịp thời và khéo léo nhằm làm dịu bớt tình hình, nhất là sau khi ta đã đại thắng, tiêu diệt và bắt sống gần hết những tên tướng chỉ huy dày dạn kinh nghiệm của đối phương như Toa Đô, Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Đường Ngột Đãi, A Bát Xích,... Và như đã nói ở trên, triều Trần cũng đã mở lượng khoan hồng đối với nhiều tù binh và tướng giặc bại trận. Điều đó đã phần nào xoa dịu được mối quan hệ căng thẳng và nhất thời kim hãm được ý định phục thù, rửa hận của nhà Nguyên với Đại Việt. Trong hoàn cảnh và tương quan thời điểm đó, đối sách mềm dẻo, thái độ thần phục là cần thiết để giữ được hòa bình.

Tuy nhiên, trước dã tâm xâm lược cũng như thái độ kiêu kỳ, ngạo mạn của nhà Nguyên, người đứng đầu triều đình luôn tỏ rõ sự kiên quyết: từ việc sai người (Đỗ Khắc Chung) đem thư xin giảng hòa nhưng thực ra là để dò xét tình hình giặc (1285), đến kiếm cớ thoái thác không chịu khom lưng châu Nguyên (1278, 1291). Với những kẻ địch đã phạm tội ác nghiêm trọng, nhà vua kiên quyết trừng phạt theo những cách rất khôn ngoan. Năm 1285, Toa Đô thua trận bị chém đầu, vua Trần Nhân Tông mặc dù tỏ lòng thương tiếc nhưng vẫn “ngầm sai lấy đầu Toa Đô đem tẩm dầu để răn, vì cớ Toa Đô mượn đường vào cướp nước ta đã 3 năm vậy” (3, tr.60). Tháng 2 năm 1289, vua cho đưa bọn Ô Mã Nhi về nước nhưng mặt khác lại ngầm dùng kế của Hưng Đạo Vương, cho người giỏi bơi lặn làm phu thuyền, ban đêm dìu thuyền cho đắm. Việc này đã bị sử gia chê là “bá thuật”, “quỷ quyết quá lắm”, không phải “vương chính” vì thất tín (3, tr.68). Tuy nhiên, ngầm nghĩ sâu xa, ta sẽ thấy đây là việc cần làm và hoàn toàn hợp tình, hợp lý. Bởi lẽ, thứ nhất, Toa Đô và Ô Mã Nhi đã phạm tội ác tày trời, nếu dung tha, thì sẽ có tội với tông miếu xã tắc và mất hết uy danh với thần dân trăm họ. Thứ hai, với nhà Nguyên, nếu ta công khai giết hại bại tướng là công khai đối đầu tuyên chiến, trong khi cách tốt nhất là giữ hòa khí để duy trì hòa bình - thứ hòa bình vốn đã rất mong manh. Rõ ràng đó là những hành động vì đại cục, là những tính toán hoàn toàn có thể chấp nhận được.

Thứ hai, trong quan hệ với Chiêm Thành.

Trong quan hệ đối ngoại với các nước phía Nam, Chiêm Thành được nhà Trần hết sức quan tâm. Điều đó xuất phát từ lý do lịch sử: Cho đến thời kỳ này, quan hệ giữa Đại Việt với Chiêm Thành chưa được bình ổn. Mặc dù đã thần phục Đại Việt, thường mang sản vật tiến cống, nhưng Chiêm Thành lại nằm trong mục tiêu liên kết, lợi dụng để thực hiện mưu đồ thôn tính Đại Việt của phương Bắc. Thế tay ba Trung Hoa - Đại Việt - Chiêm Thành đã khiến nước ta rơi vào "gọng kìm" nguy hiểm.

Các triều đại trước đó, kể cả triều Lý, đã khởi động chiến dịch Nam tiến để chinh phục Chiêm Thành, song, chủ yếu, chỉ có thể chinh phục bằng sức mạnh quân sự và các biện pháp cứng rắn khác. Nhà Trần đã kế tục nhà Lý trong đối ngoại với chúa Chiêm nhưng có chiến lược linh hoạt hơn và đã tạo được uy thế chính trị của Đại Việt chủ yếu bằng con đường ngoại giao hòa bình - điều mà nhà Lý trước đó chưa thực hiện được triệt để. Triều Trần, mà đứng ra là Trần Nhân Tông, dù bước tiếp con đường của tiền nhân, nhưng đã tìm ra một phương tiện hữu hiệu hơn đó là chiến lược hòa bình. Cùng với việc ngự giá thân chinh, triều Trần đã khéo léo dùng các biện pháp giao hảo, kể cả các cuộc hôn nhân chính trị. Vào năm Tân Sửu (1301), với vai trò là thượng hoàng, trong chuyến vân du phương Nam, Trần Nhân Tông đã ở lại Chiêm Thành đến 8 tháng và hứa gả con gái mình (công chúa Huyền Trân) cho vua Chiêm (Chế Mân). Về sau, khi lời hứa hôn được hiện thực hóa, Đại Việt đã có được một món sính lễ không hề nhỏ là hai châu Ô, Lý. Nhưng quan trọng hơn, nhờ đó mà mối quan hệ Việt - Chiêm càng được thắt chặt, và như vậy là đã giải được bài toán trong quan hệ hai nước một cách ổn thỏa, không cần đến "cùng binh độc vũ", đồng thời giúp nối lỏng một gọng kìm từ phương Nam, cởi bỏ được một mối lo cho Đại Việt.

Quả thật, công lao to lớn của Trần Nhân Tông là ở sự nghiệp xây dựng hòa bình. Khát vọng hòa bình vốn thường trực trong các thế hệ người Việt, được phát triển cao độ ở thời Trần và đặc biệt được thực thi hiệu quả ở Trần Nhân Tông.

Đường lối ngoại giao của Trần Nhân Tông đã góp phần giữ vững chủ quyền, độc lập

quốc gia đồng thời góp phần nâng cao vị trí, vai trò của Đại Việt trong khu vực. Đó là đường lối ngoại giao hòa bình, đối thoại, hợp tác vì sự phát triển mà cho đến tận hôm nay chúng ta đã kế thừa và phát huy lên tầm cao mới.

4. Về văn hóa nghệ thuật

Trần Nhân Tông là một một trong những kiểu mẫu của con người thời Trần - kiểu người "anh hùng - nghệ sĩ". Đó là mẫu người không chỉ biết đánh giặc mà còn biết làm thơ, không chỉ là anh hùng mà còn là người nghệ sĩ. Trần Nhân Tông vừa là chính khách bản lĩnh, vừa là nhà quân sự tài ba, là võ tướng quả cảm lại vừa là nhà thơ, nhà văn lớn. Con người đó vừa chắc giáo gươm quyết chiến với quân thù lại vừa mềm mại bút hoa để gieo nên những áng văn thơ trữ tình, diễm lệ.

Chiến tranh và những âm mưu phá hoại của kẻ thù đã tàn phá nhiều thư tịch, nhưng chỉ với những gì may mắn sót lại đến nay, ta có thể khẳng định Trần Nhân Tông là một nghệ sĩ tài hoa, đa phong cách.

Có thể thấy bước chân người nghệ sĩ ấy đã đi qua nhiều xứ sở, từ miền quê Thiên Trường (Nam Định) đến động Vũ Lâm (Ninh Bình), hương Cổ Châu, chùa Thần Quang (Bắc Ninh), Châu Lạng (Bắc Giang), từ một cuộc Tây chinh đến hồ Động Thiên - Yên Tử (Quảng Ninh)... Và những miền quê ấy đã hóa thành thơ, để lại những dư vị đẹp trong những bài thơ vừa dung dị vừa diễm tuyệt.

Tâm hồn tinh tế của Trần Nhân Tông đã rung động với tất cả những gì nhỏ nhặt, đời thường nhất. Ông xao xuyến với một nhánh mai (*Tảo mai* - Hoa mai sớm), bâng khuâng trong một sáng mùa xuân trong trẻo (*Xuân hiếu* - Sáng mùa xuân), thanh thản thả hồn vào buổi chiều bình yên (*Thiên Trường vãn vọng* - Dạo ngắm cảnh chiều ở Thiên Trường), suy tư trước một ngày thu nơi chùa vắng (*Lạng Châu vãn cảnh* - Cảnh chiều ở châu Lạng). Ông lắng nghe được những cung bậc cảm xúc của con người, từ nỗi niềm người khuê phụ (*Khuê oán* - Nỗi oán hận của người khuê nữ) đến tiếng sáo của mục đồng, thậm chí cả những vật dụng vô tri vô giác như chiếc gối kê tay (*Trúc nô minh* - Bài minh trúc nô). Có lúc ông mở lòng với mọi buồn vui sống động của cuộc đời, có lúc lại chìm vào nội tâm trong trầm tư của cõi thiền

sâu lắng. Trong sáng tác của ông, có cả dòng thơ chiến trận đến đến dòng thơ thể sự, từ lối thơ xướng họa đến tức sự, từ thơ bang giao đến vịnh cảnh non sông tươi đẹp. Từ tâm sự buồn vui đời thường đến những vấn đề liên quan vận mệnh quốc gia đều trở thành đề tài hấp dẫn trong thơ ông. Ở đề tài nào, thể loại nào, người nghệ sĩ ấy cũng có những tác phẩm hay, đẹp về lời thơ, sâu xa về ý tứ, tinh tế về xúc cảm làm rung động lòng người.

Trần Nhân Tông để lại các bài tán, minh, thơ chữ Hán và hai bài phú chữ Nôm. Đặc biệt, với hai tác phẩm *Cư trần lạc đạo phú* và *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca*, Trần Nhân Tông đã trở thành một trong những thi nhân Việt Nam đầu tiên sử dụng chữ Nôm để sáng tác thơ ca, khơi mở cho dòng thơ Quốc âm - bộ phận văn học viết bằng ngôn ngữ của dân tộc, cũng là nơi gửi gắm tình yêu đất nước và ý thức tự cường của người Việt Nam.

Đến nay, di sản thơ của Trần Nhân Tông đã được sưu tập và lưu giữ chỉ còn khoảng trên dưới 35 bài và một số câu thơ lẻ nằm rải rác ở các bài giảng, phú, ngữ lục. Tuy số lượng thơ còn lại khá khiêm tốn, nhưng giá trị về nội dung tư tưởng, nghệ thuật trong thơ Trần Nhân Tông đã đánh dấu một giai đoạn phát triển quan trọng trong thơ văn Lý - Trần cũng như nền văn học dân tộc.

5. Về văn hóa tôn giáo

Sinh ra trong một vương tộc đã có duyên nghiệp với Phật giáo, Trần Nhân Tông đã sớm hạnh ngộ với cửa thiền. Ngay từ khi ở ngôi thiên tử, ông đã thấm nhuần giáo lý Thiền tông. Đến năm 41 tuổi, Trần Nhân Tông chính thức xuất gia tu hành tại chùa Hoa Yên trên núi Yên Tử (Quảng Ninh), lấy đạo hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà (sau đổi làm Trúc Lâm Đại Đầu Đà), kế thừa Huệ Tuệ Thiền Sư làm tổ thứ 6 của Sơn môn Yên Tử. Về sau, Trần Nhân Tông đã đổi tên Sơn môn Yên Tử thành Trúc Lâm Thiền phái và trở thành Đệ nhất Tổ của Thiền phái này. Với việc sáng lập ra dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử - "dòng thiền của riêng người Việt", Trần Nhân Tông đã thành người khai sáng tư tưởng Phật giáo Việt Nam.

Tuy có tiếp nhận những tư tưởng của Phật giáo Trung Hoa và Ấn Độ nhưng Thiền tông do Trần Nhân Tông sáng lập đã được tiếp biến, thể hiện tinh thần quốc gia Đại Việt, thể hiện trọn vẹn tinh thần Phật giáo Việt Nam. Thiền

phái Trúc Lâm Yên Tử ra đời, chủ trương nhập thế, thích hợp với tinh thần thời đại, với ý thức khẳng định độc lập tự chủ của dân tộc nên đã tạo sự gắn bó làm một giữa người dân xây dựng đất nước, người chiến sĩ cứu nước với con người Phật tử. Đứng về phương diện tư tưởng, tổ chức, cũng như hành đạo, giáo hội Trúc Lâm có những nét độc đáo riêng, góp phần duy trì và bồi đắp nhân cách Việt như tinh thần độc lập, tự cường, tinh thần hoà hợp quốc gia, hòa thuận gia đình, tạo cội rễ cho sức mạnh lâu bền của đất nước. Với các luận lý đạo đức chân chính, giáo lý của Thiền phái Trúc Lâm đã ăn sâu bám rễ vào đời sống nhân dân, tác động mạnh mẽ đến toàn xã hội, quy tụ ý chí, sức mạnh của toàn dân hướng về một thể giới tâm linh thuần thiện, thuần mỹ. Đó là tôn giáo phù hợp ý chỉ chư Phật và lòng người.

Trần Nhân Tông đã sử dụng tối đa quý thời gian ngắn ngủi (9 năm tu hành) để vừa nghiên cứu Phật học chuyên sâu, vừa đóng góp xây dựng giáo phái như đào tạo tăng đoàn chuyên trách, tổ chức xây cất và trùng tu hàng trăm ngôi tam bảo, thiền viện, và cho ấn loát nhiều bộ kinh lớn. Ngài cũng luôn hành hương thuyết pháp, giảng kinh, giúp muôn dân thực hành Thập thiện, sống đẹp Đạo tốt Đời.

Nhưng điều đáng nói hơn, hành động xuất gia của Trần Nhân Tông cho thấy ngài sống không phải vì tham vọng chính trị, cũng không phải chỉ lo cầu lối sống thoát tục cho bản thân. Có lẽ đó là sự lựa chọn lối rẽ thanh cao của cả một triều đại trải qua vinh hoa, oanh liệt và thị phi của thế tục, mà Trần Nhân Tông, với sự chân tu và đặc đạo của mình, đã đạt đến cảnh giới vô ưu nhất. Hơn thế, con đường của Trần Nhân Tông cũng là con đường in dấu khát vọng giải thoát cho cả dân tộc khỏi ách đô hộ ngoại xâm, giải "nọc độc" vọng ngoại, Hán hóa. Nên không phải ngẫu nhiên, Trần Nhân Tông là người duy nhất ở Việt Nam được tôn là "Phật hoàng", vừa là vua của trần thế (hoàng đế của một nước) vừa là vua của đời sống tín ngưỡng tâm linh (giáo chủ một tôn giáo). Và đặc biệt là, ở ngôi vị nào, ông cũng xứng đáng là một bậc minh chủ.

6. Về sức sống và tầm ảnh hưởng của Trần Nhân Tông

Trong lịch sử triều Trần cũng như các triều đại quân chủ Việt Nam, Trần Nhân Tông có lẽ là bậc quân vương đức, tài trọn vẹn nhất. Ông

là vị “Phật Hoàng” - vừa là vua của trần thế lại vừa là giáo chủ một tôn giáo. Cuộc đời và sự nghiệp của Trần Nhân Tông đã thành biểu tượng đẹp về trí tuệ và nhân cách, sống trong niềm ngưỡng vọng của nhân dân qua nhiều thế kỷ.

Khi ngài băng hà, dân chúng vào xem chật cả cung điện, tể tướng cầm roi xua đuổi mà vẫn không giãn ra được. Vua Anh Tông phải cho người hát điệu Long ngâm để thu hút đám đông tò mò, cung điện mới rộng đường đưa linh cữu (3, tr.102). Uy linh của Trần Nhân Tông được sử sách ghi lại: Khi Phật hoàng viên tịch, hầu cận đem hỏa thiêu và nhật được xá lý, đem gửi vào tháp của Ngọa Vân Am (Yên Tử). Xá lý cất chứa lâu ngày không nát.

Sau năm thế kỷ, đến đời vua Quang Trung, có viên trấn thủ định phá tháp để lấy đồng. Nhưng khi mới phá được hai tầng thì thấy có một cái hòm trong đó đựng hai viên xá lý tròn bằng đầu ngón tay, sắc sáng lóng lánh. Cuối cùng, phải trả lại chỗ cũ và xây lại tháp như cũ (1, tr.810).

Ngày nay, không chỉ ngày rằm hay ngày lễ tết, trên đỉnh thiêng Yên Tử vẫn luôn nườm nượp khách thập phương tụ hội về chiêm bái. Cuộc đời và sự nghiệp của ngài là đề tài lớn để con cháu muôn đời sau khám phá, học hỏi.

Không phải ngẫu nhiên, năm 2012, ở Mỹ, một cuộc Hội nghị mang tên Trần Nhân Tông về Hoà giải được tổ chức tại Harvard Faculty Club, Đại học Harvard, “Tran Nhan Tong Academi” (Viện Trần Nhân Tông) đã được thành lập tại Boston, giải thưởng quốc tế Trần Nhân Tông về Hoà giải và Yêu thương được ra đời nhằm quảng bá, thúc đẩy ứng dụng những giá trị tư tưởng về lòng khoan dung, hòa giải và yêu thương của Trần Nhân Tông trên phạm vi toàn thế giới.

Hiện nay, địa chỉ *Trannhantong.net* đã được rất nhiều người trong cũng như ngoài nước truy cập. Tại cổng điện tử này, bước đầu đã có các tư liệu giới thiệu những nghiên cứu, những thành quả trong việc ứng dụng tư tưởng, giá trị cao quý của Trần Nhân Tông vào cuộc sống.

Quả thật, đúng như nhận định của học giả Trần Ngọc Vương, Trần Nhân Tông “đã sống một cuộc đời không còn gì đáng để có thể ước mơ cao hơn, xa hơn” (5).

Trần Nhân Tông đã để lại những dấu ấn đặc biệt cho văn hóa Việt Nam về văn hóa chính trị, văn hóa ngoại giao, văn hóa quân sự, văn hóa nghệ thuật và văn hóa tôn giáo. Ông không chỉ là một chính khách mà còn là một nhà văn hóa, không chỉ là một anh hùng mà còn là một người nghệ sĩ. Với những đóng góp to lớn về nhiều phương diện kể trên, Trần Nhân Tông đã trở thành một bậc minh quân với trí tuệ vượt trội và nhân cách rực rỡ sáng chói. Nhân cách Trần Nhân Tông đã được thăng hoa thành nhân cách văn hóa và có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống văn hóa của dân tộc cũng như với nhân loại tiến bộ. Việc nghiên cứu về Trần Nhân Tông chắc chắn sẽ chưa dừng lại, cũng là cách để hậu thế tôn vinh danh nhân và là sự tiếp nối con đường thông qua danh nhân để tìm về lịch sử văn hóa của dân tộc. Đây là công việc thực sự cần thiết và ý nghĩa, nhất là trong giai đoạn hiện nay..

N.T.T.N

(NCS, Viện Văn hóa và Phát triển
Học viện CTQGHCN)

Tài liệu tham khảo

1. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
2. Đỗ Thanh Dương (2008), *Trần Nhân Tông - nhân cách văn hóa lỗi lạc*, Nxb. Tp Hồ Chí Minh.
3. Ngô Sĩ Liên (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm (1972), *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông - Nguyên thế kỷ XIII*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Trần Ngọc Vương (2012), *Trần Nhân Tông - nhiều trong một*, tại trang <http://www.vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/nhung-goc-nhin-van-hoa/tran-nhan-tong-nhieu-trong-mot>, truy cập ngày 20/02/2012.

Ngày nhận bài: 8 - 3 - 2018

Ngày phản biện, đánh giá: 11 - 9 - 2018

Ngày chấp nhận đăng: 23 - 9 - 2018